

CẨM NANG

VỀ THUẾ

Dành cho doanh nghiệp và người lao động

Thuế xuất - nhập khẩu (Thuế XNK)

Đối với hàng hóa áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm (%)

Số tiền	Số lượng đơn vị từng	Trị giá tính thuế	Thuế suất
thuế XNK	= mặt hàng ghi trong tờ	x trên một đơn vị	x của từng
phải nộp	khai hải quan	hàng hóa	mặt hàng

Trong đó:

Về trị giá tính thuế:

- Nếu là hàng hóa Xuất khẩu:

Là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất KHÔNG bao gồm phí bảo hiểm quốc tế (I), phí vận tải quốc tế (F) -> (Tức là giá FOB)

- Nếu là hàng hóa Nhập khẩu:

- Nếu tính theo giá FOB (giá Không bao gồm: Phí bảo hiểm quốc tế (I), phí vận tải quốc tế (F))

=> **Trị giá tính thuế = Giá FOB + Phí bảo hiểm quốc tế + Phí vận tải quốc tế**

- Nếu tính theo giá CIF (giá đã bao gồm: phí bảo hiểm quốc tế (I), phí vận tải quốc tế (F))

=> **Trị giá tính thuế = Giá CIF**

Thuế suất đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được quy định cụ thể cho từng mặt hàng theo Nghị định 122/2016/NĐ-CP.

Thuế xuất - nhập khẩu (Thuế XNK)

Đối với hàng hóa áp dụng PP tính thuế tuyệt đối, PP tính thuế hỗn hợp:

- **Phương pháp tính thuế tuyệt đối** là việc ấn định số tiền thuế nhất định trên một đơn vị hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

Số tiền thuế áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được xác định căn cứ vào lượng hàng hóa thực tế xuất khẩu, nhập khẩu và mức thuế tuyệt đối quy định trên một đơn vị hàng hóa tại thời Điểm tính thuế.

- **Phương pháp tính thuế hỗn hợp** là việc áp dụng đồng thời phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm và phương pháp tính thuế tuyệt đối:

Số tiền thuế áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được xác định là tổng số tiền thuế theo tỷ lệ phần trăm và số tiền thuế tuyệt đối.

Lưu ý: Đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng hạn ngạch thuế quan

Hàng hóa nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối.

Hàng hóa nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối ngoài hạn ngạch do cơ quan có thẩm quyền quy định.

Thuế tiêu thụ đặc biệt (Thuế TTĐB)

Trường hợp cơ sở sản xuất ra hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB,
không sử dụng nguyên vật liệu chịu thuế TTĐB

$$\text{Số tiền thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} \times \text{Thuế suất Thuế TTĐB}$$

(Thuế suất Thuế TTĐB được quy định cụ thể cho từng loại hàng hóa dịch vụ trong biểu thuế TTĐB) Theo Điều 7 Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Trường hợp cơ sở sản xuất ra hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB,
bằng nguyên vật liệu nhập khẩu chịu thuế TTĐB

$$\text{Số tiền thuế TTĐB phải nộp} = \text{Thuế TTĐB đầu ra} - \text{Thuế TTĐB đầu vào đã nộp ở khâu nhập khẩu tương ứng}$$

Thuế tiêu thụ đặc biệt (Thuế TTĐB)

Giá tính thuế

1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước:

Giá tính thuế TTĐB = Giá do cơ sở sản xuất bán ra.

2. Đối với hàng hóa nhập khẩu

Giá tính thuế TTĐB = Giá tính thuế nhập khẩu + thuế nhập khẩu.

Nếu hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế không bao gồm số thuế nhập khẩu được miễn, giảm.

3. Đối với hàng hóa gia công:

Giá tính thuế TTĐB = Giá tính thuế của hàng hóa bán ra của cơ sở gia công hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm bán hàng.

4. Đối với hàng hóa bán theo phương thức bán trả tiền một lần của hàng hóa đó

Giá tính thuế TTĐB = Giá bán theo phương thức bán trả tiền một lần của hàng hóa đó không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm.

5. Đối với dịch vụ:

Giá tính thuế TTĐB = giá cung ứng dịch vụ của cơ sở kinh doanh

6. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi hoặc tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng cho:

Giá tính thuế TTĐB = giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Thuế giá trị gia tăng (Thuế GTGT)

Phương pháp khấu trừ thuế

$$\begin{array}{ccccc} \text{Số tiền thuế} & = & \text{Thuế GTGT} & - & \text{Thuế GTGT} \\ \text{GTGT phải nộp} & & \text{đầu ra} & & \text{đầu vào} \end{array}$$

Trong đó:

Thuế GTGT đầu ra = Giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra * Thuế suất thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra (Thuế suất: 0%; 5%; 8%; 10%);

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ = tổng số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT và đáp ứng Điều kiện quy định tại Điều 12

Phương pháp trực tiếp

Tính trên doanh thu

$$\text{Số tiền thuế GTGT phải nộp} = \text{Doanh thu} * \text{Tỷ lệ (\%)}$$

Tính trên GTGT

$$\text{Số tiền thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT} * \text{Thuế suất\%}$$

Trường hợp này áp dụng với doanh nghiệp hoạt động mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý

Lưu ý: Giá trị gia tăng được xác định bằng giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra trừ giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuế TNDN)

Số tiền thuế TNDN phải nộp = Thu nhập tính thuế * Thuế suất

Lưu ý: Trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế thu nhập ở ngoài Việt Nam thì được trừ số thuế thu nhập đã nộp nhưng tối đa không quá số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định.

Trường hợp doanh nghiệp có trích Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ

Số tiền thuế GTGT phải nộp = (Thu nhập tính thuế - Phần trích lập Quỹ) * Thuế suất

Trong đó

- **Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - Thu nhập được miễn thuế - Các khoản lỗ được kết chuyển từ năm trước**
- **Thu nhập chịu thuế = Doanh thu - Chi phí được trừ + Các khoản thu nhập khác**

Thuế thu nhập cá nhân (Thuế TNCN)

Đối với cá nhân cư trú

Trường hợp hợp đồng lao động trên 03 tháng

Thuế TNCN = Thu nhập tính thuế * Thuế suất lũy tiến

Trong đó

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - Các khoản giảm trừ

Thu nhập chịu thuế = Tổng thu nhập từ tiền lương, tiền công, tiền thù lao, các khoản thu nhập khác có tính chất tiền lương, tiền công - Các khoản được miễn thuế

Trường hợp hợp đồng lao động dưới 03 tháng

Khấu trừ theo mức 10% thu nhập

Trường hợp cá nhân chỉ có duy nhất thu nhập thuộc đối tượng phải khấu trừ thuế theo tỷ lệ nêu trên nhưng ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế thì cá nhân có thu nhập làm cam kết (theo mẫu ban hành kèm theo văn bản hướng dẫn về quản lý thuế) gửi tổ chức trả thu nhập để tổ chức trả thu nhập làm căn cứ tạm thời chưa khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.

Thuế thu nhập cá nhân (Thuế TNCN)

Đối với cá nhân không cư trú

Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

Thuế TNCN = Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công * Thuế suất 10%

Đối với thu nhập từ kinh doanh

Thuế TNCN phải nộp = Doanh thu * Thuế suất

Trong đó

Thuế suất 1% đối với hoạt động kinh doanh hàng hóa

Thuế suất 5% đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ

Thuế suất 2% đối với hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải và hoạt động kinh doanh khác